

**BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

(đính kèm Quyết định số 1258/QĐ-HVHK ngày 29/05/2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Hàng không Việt Nam

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HHK

3. Địa chỉ các trụ sở:

Cơ sở 1 (trụ sở chính): 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 18A/1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 243 Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa (Sân bay Cam Ranh)

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://vaa.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.38.424762

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://vaa.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...) <https://vaa.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY:

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1 Đối tượng dự tuyển: thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT).

1.2 Điều kiện dự tuyển:

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào và điều kiện về nguồn tuyển quy định tại mục 2.1 Thông báo này;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

2.1 Điều kiện về nguồn tuyển:

Để được xét tuyển bằng các **phương thức không sử dụng điểm thi THPT năm 2026 (học bạ, đánh giá năng lực, SAT / ACT / IB)** thì thí sinh cần đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Điều kiện 1: Có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (hoặc tương đương) tương ứng với 03 môn trong tổ hợp xét tuyển học bạ đạt tối thiểu 15,0 điểm theo thang điểm 30.
- Điều kiện 2: Có điểm thi THPT 03 môn Toán, Ngữ Văn và một môn tự chọn bất kỳ đạt tối thiểu 15 điểm theo thang điểm 30.

Không được sử dụng điểm quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ để tính điểm điều kiện này.

Điều kiện này không áp dụng đối với: thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026; thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT; thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (phương thức 5 của Học viện).

2.2 Phương thức xét tuyển:

2.2.1 Phương thức 1: Xét tuyển bằng điểm kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026 (THPT):

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = (Điểm môn thứ nhất x 3 + Điểm môn thứ hai x 2 + Điểm môn thứ ba) / 2 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **Điểm môn thứ nhất, Điểm môn thứ hai, Điểm môn thứ ba:** xem nhóm mã tổ hợp xét tuyển của từng ngành tại mục 4.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.3 và mục 2.4.
- **Điểm xét tuyển** tính theo thang 30 và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Lưu ý: Học viện không chấp nhận điểm thi bảo lưu để xét tuyển.

2.2.2 Phương thức 2: xét tuyển bằng kết quả học bạ 03 năm THPT (cả năm lớp 10, 11 và 12):

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = (TB3N của môn thứ nhất x 3 + TB3N của môn thứ hai x 2 + TB3N của môn thứ ba) / 2 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **TB3N:** điểm trung bình 03 năm THPT của môn đó.

Công thức tính TB3N của một môn = (điểm trung bình môn cả năm lớp 10 + điểm trung bình môn cả năm lớp 11 + điểm trung bình môn cả năm lớp 12) / 3

- **TB3N** được tính theo thang 10.
- **Điểm môn thứ nhất, Điểm môn thứ hai, Điểm môn thứ ba:** xem nhóm mã tổ hợp xét tuyển của từng ngành tại mục 4.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.3 và mục 2.4.
- **Điểm xét tuyển** tính theo thang 30 và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Lưu ý: Điểm học bạ của thí sinh tự do tốt nghiệp trước năm 2026 và thí sinh tốt nghiệp năm 2026 đều được xét bình đẳng khi sử dụng phương thức này.

2.2.3 Phương thức 3: xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức:

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = Điểm kỳ thi Đánh giá năng lực + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **Điểm kỳ thi Đánh giá năng lực** là điểm thi năm 2026.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.3 và mục 2.4.
- Điểm xét tuyển ĐHQG - HCM tính theo thang 1200, ĐHQG - Hà Nội tính theo thang 150.

2.2.4 Phương thức 4: xét tuyển bằng Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế SAT/ACT/IB (QT):

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = Điểm SAT/ACT/IB + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **Điểm SAT, ACT, IB:** Trường lấy điểm thi trong vòng 12 tháng tính đến ngày 31/08/2026.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.3 và mục 2.4.
- Điểm xét tuyển SAT tính theo thang 1600, điểm ACT tính theo thang 36, điểm IB tính theo thang 42.

2.2.5 Phương thức 5: xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT quy định (TT):

**** Trường hợp 1:***

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm đăng ký xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT thì được tuyển thẳng vào Học viện.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do

Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm đăng ký xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT thì được tuyển thẳng vào Học viện.

Môn học/Lĩnh vực đoạt giải	Ngành được tuyển thẳng
Toán, Văn, Sử, Địa, Anh, GDKT&PL	Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc; Kinh tế vận tải; Kinh doanh quốc tế; Marketing; Kinh tế số; Công nghệ tài chính
Toán, Văn, Anh	Quản lý hoạt động bay
Toán, Lý, Hóa, Anh, Tin, Sinh, Công nghệ	Kỹ thuật hàng không; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Kiến trúc cảnh quan.
Tiếng Trung	Ngôn ngữ Trung Quốc
Tiếng Nhật	Ngôn ngữ Hàn Quốc

***Trường hợp 2:** căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo, Giám đốc xem xét và quyết định nhận vào học các trường hợp dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

Trường hợp	Ngành tuyển thẳng
Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.	

Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.

Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tất cả các ngành trừ Quản lý hoạt động bay và Kỹ thuật Hàng không.

Trường hợp	Ngành tuyển thẳng
Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT	Tùy hồ sơ và học lực của thí sinh, Giám đốc sẽ ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể.
Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ	Tùy hồ sơ và học lực của thí sinh, Giám đốc sẽ ra quyết

tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.	định cho từng trường hợp cụ thể.
Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Học viện quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường	Tùy hồ sơ, học lực và tình trạng sức khỏe của thí sinh mà Giám đốc sẽ ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Các trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc hoặc Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2.3 Điểm cộng:

Thí sinh đạt các danh hiệu, giải thưởng cấp Quốc tế, Quốc gia, địa phương sau sẽ được Học viện quy đổi thành điểm cộng, cụ thể như sau:

T T	Giải thưởng và thứ hạng thành tích	Điểm cộng					
		THPT và HB	ĐGNL HCM	ĐGNL HN	SAT	ACT	IB
1	Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia nhưng không dùng quyền tuyển thẳng.	3	120	15	160	3,6	4,2
	Thí sinh có một trong các giải thưởng/danh hiệu sau: - Giải khuyến khích hoặc giải tư các kỳ thi						

2	chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học kỹ thuật quốc tế, quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; - Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trung ương do Sở GDĐT tổ chức;	1,5	60	7,5	80	1,8	2,1
---	---	-----	----	-----	----	-----	-----

5

T T	Giải thưởng và thứ hạng thành tích	Điểm cộng					
		THPT và HB	ĐGNL HCM	ĐGNL HN	SAT	ACT	IB
	- Huy chương vàng trong Cuộc thi Olympic truyền thống 30 tháng 4 khu vực phía Nam; Ngày hội Olympic Tháng 4 TP.HCM do Sở GDĐT TP.HCM tổ chức.						
3	Thí sinh có một trong các giải thưởng/danh hiệu sau: - Giải nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trung ương do Sở GDĐT tổ chức; - Huy chương bạc trong Cuộc thi Olympic truyền thống 30 tháng 4 khu vực phía Nam;	1	40	5	53,33	1,2	1,4

	Ngày hội Olympic Tháng 4 TP.HCM do Sở GDĐT TP.HCM tổ chức.						
4	Thí sinh có một trong các giải thưởng/danh hiệu sau: - Giải ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trung ương do Sở GDĐT tổ chức; - Huy chương đồng trong Cuộc thi Olympic truyền thống 30 tháng 4 khu vực phía Nam; Ngày hội Olympic Tháng 4 TP.HCM do Sở GDĐT TP.HCM tổ chức.	0,5	20	2,5	26,67	0,6	0,7

*** Quy tắc cộng điểm cộng:**

- Tổng điểm xét tuyển của thí sinh sau khi cộng điểm cộng không vượt quá thang điểm tối đa của phương thức đó (nếu vượt quá sẽ bằng điểm tối đa của phương thức đó).
- Thí sinh có nhiều giải thưởng thì chỉ lấy giải có điểm cộng cao nhất.
- Áp dụng cho thí sinh đoạt giải từ năm 2023 đến năm 2026.
- Áp dụng cho cả hai đối tượng là thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 và thí sinh tự do đã tốt nghiệp các năm trước; không áp dụng cho các cuộc thi học sinh giỏi dành cho học sinh GDTX.
- Trừ giải thưởng của cuộc thi KHKT, môn đoạt giải phải là các môn có trong các tổ hợp xét tuyển tại Học viện (xem mục 4).
- Một số trường hợp đặc biệt khác: do Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

2.4 Điểm ưu tiên:

Điểm ưu tiên = mức hưởng điểm UT khu vực + mức hưởng điểm UT đối tượng

Trong đó:

- **Mức hưởng điểm ưu tiên khu vực:** xác định dựa theo trường mà thí sinh theo học lâu nhất trong 3 năm cấp THPT. Nếu thời gian học tại các trường tương đương nhau, hệ thống sẽ tự động căn cứ theo trường THPT mà thí sinh theo học sau cùng. Ưu tiên khu vực chỉ cộng cho thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2026 và 2025.
- **Mức hưởng điểm ưu tiên đối tượng:** xác định theo danh sách đối tượng chính ưu tiên của Bộ GDĐT. Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

TT	Khu vực, đối tượng ưu tiên	Mức hưởng điểm ưu tiên theo các phương thức					
		THPT và HB	ĐGNL-HCM	ĐGNL-HN	SAT	ACT	IB
1	Khu vực 1	0,75	30	3,75	40	0,9	1,05
2	Khu vực 2NT	0,5	20	2,5	26,67	0,6	0,7

3	Khu vực 2	0,25	10	1,25	13,33	0,3	0,35
4	Khu vực 3	0	0	0	0	0	0
5	Nhóm đối tượng ưu tiên 1 (ĐTUT 1, 2, 3)	2	80	10	106,67	2,4	2,8
6	Nhóm đối tượng ưu tiên 2 (ĐTUT 4, 5, 6)	1	40	5	53,33	1,2	1,4

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, **điểm ưu tiên** sẽ giảm dần theo công thức sau:

TT	Phương thức	Công thức tính điểm ưu tiên	Áp dụng từ mức Điểm xét tuyển
1	THPT	Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{điểm xét tuyển})/7,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$	22,5 trở lên
2	Học bạ	Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{điểm xét tuyển})/7,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$	22,5 trở lên
3	ĐGNL-HCM	Điểm ưu tiên = $[(1200 - \text{điểm xét tuyển})/300] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$	900 trở lên
4	ĐGNL-HN	Điểm ưu tiên = $[(150 - \text{điểm xét tuyển})/37,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$	112,5 trở lên
5	SAT	Điểm ưu tiên = $[(1600 - \text{điểm xét tuyển})/400] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$	1200 trở lên
6	ACT	Điểm ưu tiên = $[(36 - \text{điểm xét tuyển})/9] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$	27 trở lên
7	IB	Điểm ưu tiên = $[(42 - \text{điểm xét tuyển})/10,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$	31,5 trở lên
Trong đó: Điểm xét tuyển đã bao gồm điểm cộng, đã làm tròn đến hai chữ số thập phân.			

2.5 Quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang điểm môn Ngoại ngữ trong xét tuyển:

Thí sinh cần phải nộp chứng chỉ hợp lệ về cho Học viện trong thời gian quy định để được quy đổi trước khi tiến hành xét tuyển đợt chính thức. Học viện quy đổi theo quy tắc: điểm nào cao hơn sẽ giữ lại và đưa vào xét tuyển.

Các Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế sau đây được quy đổi thành điểm môn Tiếng Anh trong xét tuyển theo điểm thi THPT và học bạ, áp dụng cho tất cả các ngành:

BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ			
IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm quy đổi môn Tiếng Anh
7,0 trở lên	85-101 trở lên	850/180/180 trở lên	10
6,5	79-84	800/170/170	9,5
6,0	65-78	775/160/160	9,0
5,5	59-64	750/150/150	8,5
5,0	46-58	700/150/150	8,0
4,5	-	650/130/130	7,5
*Chứng chỉ được cấp không quá 02 năm tính đến ngày 31/08/2026.			

Riêng ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc được quy đổi thêm chứng chỉ TOPIK sang điểm môn Tiếng Hàn, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc được quy đổi thêm chứng chỉ HSK sang điểm môn Tiếng Trung. Mức quy đổi được quy định theo bảng sau:

BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG HÀN / TIẾNG TRUNG		
Chứng chỉ Tiếng Hàn / Tiếng Trung	Điểm quy đổi môn Ngoại ngữ	Lưu ý: TOPIK chỉ dùng để quy đổi cho ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, HSK chỉ dùng để quy đổi cho ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
Topik 4 / HSK 4	10	
Topik 3 / HSK 3	8	
*Chứng chỉ được cấp không quá 02 năm tính đến ngày 31/08/2026.		

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

3.1 Ngưỡng đầu vào và điều kiện về nguồn tuyển:

Ngưỡng đầu vào (ngưỡng đảm bảo chất lượng) là mức điểm tối thiểu thí sinh phải đạt được để đăng ký xét tuyển vào ngành. Đối với phương thức xét tuyển có nhiều mã tổ hợp xét tuyển thì được áp dụng chung cho tất cả tổ hợp xét tuyển của phương thức đó. Mức điểm này có thể được điều chỉnh và công bố quy tắc quy đổi tương đương theo hướng dẫn của Bộ GDĐT trước 17h ngày 10/07/2026 trên trang web <https://vaa.edu.vn>.

Điều kiện về nguồn tuyển: xem mục 2.1

TT	Mã ngành chung	Tên ngành chung (tất cả chuyên ngành)	Ngưỡng đầu vào năm 2026						
			THPT (thang 30)	HB (thang 30)	ĐGNL HCM (thang 1200)	ĐGNL HN (thang 150)	SAT (thang 1600)	ACT (thang 36)	IB (thang 42)
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc*	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
3	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc*	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
4	7310109	Kinh tế số*	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
5	7340101	Quản trị kinh doanh	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
6	7340115	Marketing	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
7	7340120	Kinh doanh quốc tế	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
8	7340205	Công nghệ tài chính*	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
9	7340404	Quản trị nhân lực	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
10	7480201	Công nghệ thông tin	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
11	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	15	17	520	70	990	18	25
12	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	15	17	520	70	990	18	25
13	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	15	17	520	70	990	18	25
14	7520120	Kỹ thuật hàng không	20	22	697,5	87,5	1215	25	31,75
15	7580102	Kiến trúc cảnh quan*	15	17	520	70	990	18	25
16	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
17	7840102	Quản lý hoạt động bay	20	22	697,5	87,5	1215	25	31,75
18	7840104	Kinh tế vận tải	16	18	560	73,33	1040	19,67	26,67
* là ngành dự kiến mở năm 2026									

3.2 Điểm trúng tuyển:

Điểm trúng tuyển của Học viện được công bố sau khi kết thúc quy trình xét tuyển chung toàn quốc của Bộ GD&ĐT, được xác định theo các quy tắc sau:

- **Quy đổi tương đương:** Học viện áp dụng quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- **Xét tuyển độc lập:** tất cả 05 phương thức của Học viện được xét tuyển độc lập và bình đẳng. Mỗi phương thức có mức điểm trúng tuyển riêng, được tính theo thang điểm tối đa của phương thức đó.

- **Điểm chuẩn đồng nhất:** mức điểm trúng tuyển vào cùng một mã xét tuyển (ngành) là như nhau, không phân biệt thứ tự nguyện vọng đăng ký của thí sinh.

- **Thứ tự nguyện vọng:** Thí sinh được phép đặt tối đa 15 nguyện vọng xét tuyển, trong đó NV1 là cao nhất. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng duy nhất có thứ tự cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Nếu đã trúng tuyển ở nguyện vọng

trên, các nguyện vọng thấp hơn sẽ tự động bị hủy bỏ cho dù thí sinh đủ điểm trúng tuyển.

- **Cách ghi nhận phương thức trúng tuyển:** tất cả các phương thức đều bình đẳng như nhau. Trong trường hợp thí sinh trúng tuyển nhiều phương thức khác nhau ở nguyện vọng cao nhất, thì phương thức trúng tuyển chính thức sẽ được ghi nhận theo thứ tự sau: điểm thi THPT, HB, ĐGNL-HCM, ĐGNL-HN, SAT, ACT, IB.

- **Cách xử lý trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách:** trường ưu tiên thí sinh có điểm cộng thấp hơn; nếu nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, trường ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

4. Mã ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến và nhóm mã tổ hợp xét tuyển vào từng ngành:

Học viện áp dụng tất cả 05 phương thức xét tuyển tại mục 2.2 cho tất cả chuyên ngành đào tạo, ngành đào tạo.

Đối với phương thức xét điểm thi THPT và xét học bạ sử dụng chung nhóm mã tổ hợp xét tuyển theo mục 4.1. Các phương thức còn lại không có tổ hợp xét tuyển.

4.1 Nhóm mã tổ hợp xét tuyển: tập hợp tất cả các tổ hợp xét tuyển thỏa mãn 03 môn theo bảng sau. Trường không quy định độ lệch giữa các tổ hợp.

Tên nhóm mã THXT	Môn thứ nhất	Môn thứ hai	Môn thứ ba
	<i>Nhân 3</i>	<i>Nhân 2</i>	<i>Nhân 1</i>
TA01	Ngoại ngữ	Văn	Tự chọn cao nhất
TA02	Ngoại ngữ	Toán	Tự chọn cao nhất
DT01	Tự chọn cao nhất	Văn	Tự chọn cao nhì
DT02	Tự chọn cao nhất	Toán	Tự chọn cao nhì

Môn tự chọn là môn có điểm cao thứ nhất và thứ nhì trong các môn sau: Toán, Anh, Văn, Sử, Địa, GDKT&PL, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ (các môn không trùng với môn đã có trong tổ hợp). Học viện không xét môn GD&ĐT.

Môn ngoại ngữ: là môn Tiếng Anh (đối với tất cả các ngành), riêng ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc được chọn thêm môn Tiếng Hàn, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc được chọn thêm môn Tiếng Trung.

Lưu ý: Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế quy định tại mục 2.5 được quy đổi và thay thế cho điểm môn Ngoại ngữ theo quy tắc: điểm nào cao hơn sẽ giữ lại và đưa vào xét tuyển.

4.2 Tên ngành, mã ngành, tên mã xét tuyển, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến và nhóm tổ hợp xét tuyển vào từng ngành:

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Mã xét tuyển	Tên chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Nhóm mã THXT
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	- Tiếng Anh hàng không	755	TA01 TA02
2				- Tiếng Anh du lịch, thương mại		
3	7220204	<i>Ngôn ngữ Trung Quốc*</i>	7220204	<i>- Ngôn ngữ Trung Quốc*</i>	480	
4	7220210	<i>Ngôn ngữ Hàn Quốc*</i>	7220210	<i>- Ngôn ngữ Hàn Quốc*</i>	180	

5	7310109	<i>Kinh tế số*</i>	7310109	- <i>Kinh tế số*</i>	180	
6	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	- Quản trị Kinh doanh vận tải hàng không	643	DT01 DT02
7				- Quản trị Kinh doanh tổng hợp		
8				- <i>Quản trị kinh tế không gian*</i>		
9				- Quản trị Kinh doanh quốc tế		
10				- Quản trị Kinh doanh cảng hàng không		
11			7340101D	- Kinh doanh số	120	
12			7340101E	- Quản trị hàng không (học bằng tiếng Anh)	50	TA01 TA02
13	7340115	Marketing	7340115	- <i>Digital Marketing*</i>	540	DT01 DT02
14				- <i>Công nghệ marketing*</i>		
15	7340120	Kinh doanh Quốc tế	7340120	- Thương mại quốc tế	145	
16	7340205	<i>Công nghệ tài chính*</i>	7340205	- <i>Công nghệ tài chính*</i>	300	
17	7340404	Quản trị nhân lực	7340404	- Quản trị nhân lực	359	
18	7480201	Công nghệ thông tin	7480201S	- Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo	365	DT02
19			7480201I	- Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật	120	
20			7480201B	- Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn	120	
21	7510102	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	7510102X	- Xây dựng và phát triển cảng hàng không	60	
22			7510102Q	- Quản lý và khai thác cảng hàng không	173	
23	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302A	- Điện tử ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT)	40	
24			7510302B	- <i>Công nghệ vi mạch và bán dẫn*</i>	40	
25			7510302V	- Điện tử viễn thông và Trí tuệ nhân tạo (AI)	40	
26	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	7510303U	- Thiết bị bay không người lái và Robotics	60	
27			7510303A	- Điện tự động cảng hàng không	60	
28	7520120	Kỹ thuật hàng không	7520120E	- Kỹ thuật hàng không (học bằng tiếng Anh)	50	TA02
29			7520120	- Kỹ thuật hàng không	170	DT02
30			7520120M	- Kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay	60	

31			7520120U	- Kỹ thuật thiết bị bay không người lái	60	
32	7580102	<i>Kiến trúc cảnh quan*</i>	7580102	- <i>Kiến trúc cảnh quan*</i>	123	DT02
33	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103T	-Quản trị lữ hành	180	DT01 DT02
34			7810103H	-Quản trị nhà hàng khách sạn	180	
35			7810103A	-Quản trị dịch vụ thương mại hàng không (tích hợp chứng chỉ nhân viên hàng không)	154	
36			7810103F	- <i>Quản trị ẩm thực*</i>	120	
37			7810103M	- <i>Quản trị du lịch MICE và tổ chức sự kiện*</i>	120	
38	7840102	Quản lý hoạt động bay	7840102E	Quản lý hoạt động bay (học bằng tiếng Anh)	50	TA02

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Mã xét tuyển	Tên chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Nhóm mã THXT
39			7840102	- Quản lý hoạt động bay	130	DT02
40				- Hệ thống kỹ thuật quản lý bay		
41	7840104	Kinh tế vận tải	7840104E	- Logistics và vận tải đa phương thức (học bằng tiếng Anh)	50	TA01 TA02
42			7840104K	- Kinh tế hàng không	240	DT01 DT02
43			7840104	- Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	315	
44				- Logistics và vận tải đa phương thức		
Tổng chỉ tiêu tuyển sinh					6.832	

Lưu ý:

- Những ngành có dấu * là ngành mới mở năm 2026.
- Thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành Ngôn ngữ và những chương trình học bằng Tiếng Anh (có nhóm mã THXT là TA01, TA02) phải đáp ứng thêm **một trong các điều kiện sau:**

- + Điểm thi THPT môn TA năm 2026 từ 6,0 trở lên;
- + Điểm học bạ cả năm lớp 12 của môn TA từ 7,0 trở lên;
- + Chứng chỉ TA quốc tế IELTS từ 4,5 trở lên (hoặc tương đương);
- + Riêng ngành Ngôn ngữ Hàn quốc có thể xét tiêu chí phụ bằng điểm môn Tiếng Hàn/chứng chỉ TOPIK 3 trở lên; ngành Ngôn ngữ Trung quốc có thể xét tiêu chí phụ bằng điểm môn Tiếng Trung/chứng chỉ HSK 3 trở lên.

**** Trường hợp ngoại lệ:***

Thí sinh thuộc hai nhóm sau đây sẽ được miễn tiêu chí phụ ngoại ngữ: (1) trúng tuyển bằng chứng chỉ quốc tế (SAT, ACT, IB) và (2) trúng tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT có môn đoạt giải là Tiếng Anh. Quy định miễn xét này cũng áp dụng đối với thí sinh có môn đoạt giải là Tiếng Trung khi xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung, hoặc môn Tiếng Hàn khi xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Hàn.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1 Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Tiêu chí phụ về điểm Ngoại ngữ khi xét các ngành Ngôn ngữ và các ngành học bằng Tiếng Anh: xem mục 4.2.

5.2 Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo: Thí sinh được phân ngành theo mã

xét tuyển đã đăng ký.

5.3 Học bổng và các chính sách hỗ trợ người học

5.3.1 Học bổng khuyến khích tuyển sinh:

12

Quy tắc xét học bổng tuyển sinh: trong trường hợp sinh viên đủ điều kiện nhiều loại học bổng khác nhau thì sẽ nhận được 01 suất học bổng giá trị cao nhất (trừ Học bổng Thủ khoa). Một số trường hợp đặc biệt khác: Giám đốc/Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

TT	Tên học bổng	Tiêu chí xét học bổng	Số lượng học bổng* (dự kiến)	Số tiền cho 01 suất học bổng
1	Học bổng Thủ khoa	Sinh viên có điểm trúng tuyển cao nhất toàn trường theo phương thức xét điểm thi THPT năm 2026 trong đợt xét tuyển chính thức.	01	15.000.000
		Sinh viên có điểm trúng tuyển cao nhất toàn ngành theo phương thức xét điểm thi THPT năm 2026 trong đợt xét tuyển chính thức.	18	10.000.000
		Sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; trúng tuyển thẳng đợt chính thức.	Không giới hạn số lượng	10.000.000

2	Học bổng Tài năng	Sinh viên đạt giải khuyến khích hoặc giải tư các kỳ thi chọn học sinh giỏi/khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; trúng tuyển theo tất cả các phương thức trong đợt chính thức.	Không giới hạn số lượng	5.000.000
		Sinh viên đạt từ 27 điểm trở lên theo phương thức xét điểm THPT trong đợt chính thức; không phải thủ khoa toàn trường/ngành. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	20	5.000.000
		Sinh viên trúng tuyển ĐGNL ĐHQG-HCM đạt 920 điểm trở lên hoặc trúng tuyển ĐGNL ĐHQG-HN đạt 115 điểm trở lên trong đợt chính thức. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	20	5.000.000
3	Học bổng thành tích đặc biệt	Sinh viên đạt: - IELTS 7,5 trở lên (và tương đương) áp dụng tất cả các ngành; - TOPIK 4 trở lên khi xét tuyển ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc; - HSK 4 trở lên khi xét tuyển ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Sinh viên phải nộp minh chứng cho trường trước khi xét tuyển để được quy đổi điểm và nhận học bổng sau khi nhập học. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	100	3.000.000
		Sinh viên thuộc 149 trường THPT được ưu tiên xét tuyển* và có 03 năm học sinh giỏi, đạt điểm học bạ từ 28.5 điểm trở lên; có đăng ký xét học bổng tại trường trước khi xét tuyển. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	100	3.000.000
		Sinh viên đạt ĐGNL ĐHQG-HCM từ 700 điểm trở lên hoặc 75 điểm ĐGNL-HN trở lên; có đăng ký xét học bổng tại trường trước khi xét tuyển. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu	30	3.000.000
		Sinh viên đạt điểm SAT đạt từ 1480 điểm trở lên hoặc đạt điểm ACT từ 33 điểm trở lên hoặc đạt điểm IB từ 38 điểm trở lên; có đăng ký xét học bổng tại trường trước khi xét tuyển. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	30	3.000.000
4	Học bổng sân bay Gia Bình	Từ năm học 2026-2027 cho đến năm học 2029-2030, để cung cấp nhân lực cho sân bay Gia Bình, Tân sinh viên cư trú tại tỉnh Đông Bắc bộ gồm: Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh và Quảng Ninh có ít nhất 01 năm theo học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh; theo học các chuyên ngành thuộc các ngành: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự	500	5.000.000

TT	Tên học bổng	Tiêu chí xét học bổng	Số lượng học bổng* (dự kiến)	Số tiền cho 01 suất học bổng
		động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Hàng không và Quản lý hoạt động bay. Áp dụng cho tất cả các phương thức xét tuyển của trường.		
5	Học bổng sân bay Long Thành	Từ năm học 2024-2025 cho đến năm học 2029-2030, Tân sinh viên cư trú tại tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập) và có ít nhất 01 năm theo học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh; theo học các chuyên ngành thuộc các ngành: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Hàng không và Quản lý hoạt động bay. Áp dụng cho tất cả các phương thức xét tuyển của trường.	500	5.000.000

5.3.2 Học bổng khuyến khích học tập:

Học bổng khuyến khích học tập được cấp hàng năm theo từng học kỳ dành cho sinh viên có kết quả học tập và kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên. Nguồn kinh phí được trích từ nguồn thu học phí của sinh viên bậc đại học hệ chính quy của Học viện và được bố trí bằng 8% học phí của học kỳ lấy điểm xét cấp học bổng.

5.3.3 Một số học bổng ngoài ngân sách Học viện:

Quỹ học bổng Chắp cánh ước mơ của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (VATM) dành cho sinh viên hệ Đại học chính quy của Học viện đang học các chuyên ngành, lĩnh vực mà VATM và Học viện Hàng không Việt Nam ký Thỏa thuận hợp tác gồm các ngành: Quản lý hoạt động bay, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật hàng không.

5.3.4 Chính sách miễn giảm học phí: Miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc các đối tượng chính sách theo quy định của Nhà nước

6. Tổ chức tuyển sinh:

Học viện sẽ tổ chức các đợt tuyển sinh theo quy định của Bộ:

- Đợt chính thức được tổ chức theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT. Thông báo tuyển sinh chính thức sẽ được đăng tại website <https://vaa.edu.vn>.
- Trong trường hợp đợt chính thức tuyển không đủ chỉ tiêu, Học viện sẽ tuyển thêm đợt bổ sung vào tháng 08/2026. Thí sinh theo dõi thông báo tại website <https://vaa.edu.vn>
- Các đợt bổ sung khác (nếu có) Học viện sẽ có thông báo riêng.

7. Chính sách ưu tiên: xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: 15.000 đồng/nguyên vọng.

Thí sinh đóng lệ phí xét tuyển thông qua Hệ thống của Bộ GDĐT theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Học viện sẽ nhận và giải quyết khiếu nại của thí sinh trong vòng 01 tuần kể từ khi công bố kết quả trúng tuyển. Thí sinh đến phản hồi trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Học viện Hàng không Việt Nam, số 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP.HCM; hoặc gửi email về địa chỉ tuyensinh@vaa.edu.vn.